

Rx

## GLIATILIN

Choline Alfoscerate ( $\alpha$ -Glycerylphosphoryl choline)

### Thành phần:

Ống tiêm: Mỗi ống 4ml chứa 1000mg Choline Alfoscerate.

Viên nang: Mỗi viên chứa 400mg Choline Alfoscerate.

### Dược lực học:

Gliatilin tăng cường quá trình tổng hợp Acetylcholine và phospholipids của màng nơron thần kinh.

Phòng ngừa các biến đổi thần kinh, nâng cao khả năng nhận biết và trí nhớ, phục hồi chức năng thần kinh do các tổn thương não có liên quan đến tuổi tác, đột quỵ, bệnh mạch máu мăn tính, sau chấn thương sọ não, tai biến não.

Các nghiên cứu và thực tế lâm sàng cho thấy Gliatilin

- + Tác động dẫn truyền thần kinh hệ Cholinergic.
- + Tác động điều chỉnh lại dẫn truyền Synap thần kinh từ đó cải thiện được hành vi và khả năng học tập.
- + Tác động trên tính mềm mại của nơron thần kinh.
- + Tác động trên chức năng nhận cảm thần kinh.

### Dược động học:

Gliatilin hấp thu tốt qua cả đường uống (88%)

Dễ dàng vượt qua hàng rào máu não.

“Các kết quả được lý lâm sàng đã chứng minh rằng Gliatilin có tác động tích cực trên MNESIC và các chức năng nhận thức cũng như các tác động trên các biểu hiện hành vi bị suy giảm do hội chứng bị teo não...” Các thực nghiệm cho thấy không gặp các triệu chứng hay thấy dấu hiệu nhiễm độc ở máu và nước tiểu. Gliatilin không gây đột biến gen và không ảnh hưởng đến thai sản ở động vật.

Chỉ định: Gliatilin được chỉ định điều trị trên:

Đột quỵ:

- + Đột quỵ trong con cấp.
- + Phục hồi chức năng sau đột quỵ.

Chấn thương sọ não:

- + Chấn thương sọ não trong con cấp.
- + Phục hồi chức năng sau chấn thương sọ não và sau phẫu thuật thần kinh.



### Sa sút trí tuệ:

- + Suy giảm trí nhớ, thờ ơ mất định hướng.
- + Thiếu năng não bộ, hoa mắt, nhức đầu, chóng mặt.
- + Giảm hoạt động và vận động, giảm sút sự tập trung.

Do:

- \* Bệnh mạch máu não.

- \* Bệnh Alzheimer.

- \* Bệnh lú lẫn, giảm trí nhớ người già kiểu Alzheimer.

### Liều dùng và cách dùng:

- Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch chậm: 1 ống đến 2 ống mỗi ngày, dùng trong 4 tuần.
- Đường uống 2-3 lần/ngày, mỗi lần 1 viên, dùng trong 4 tuần.

Có thể kéo dài thời gian điều trị tùy theo sự đáp ứng lâm sàng của người bệnh hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

### Chống chỉ định:

Các trường hợp mẫn cảm với các thành phần của thuốc (chưa có thông báo trên lâm sàng), phụ nữ có thai.

Quá liều: Không thấy độc tính khi dùng quá liều hoặc điều trị quá dài.

Chú ý: Không dùng thuốc sau thời gian ghi trên hộp. Nếu thấy có phản ứng không mong muốn chưa được nêu phải dừng thuốc và thông báo cho bác sĩ.

Bảo quản: Nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 25°C.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất.

Đóng gói: Dịch tiêm: Hộp/5 ống tiêm (1000mg/4ml). Hạn dùng 5 năm.

Viên nang: Hộp/14 viên nang mềm (400mg/1 viên). Hạn dùng 3 năm.

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN TRƯỚC KHI DÙNG.**

**NẾU CẦN THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.**

**Nhà sản xuất:**

ITALFARMACO S.p.A Viale Fulvio Testi 330 -20126 Milan - Italy.

**Marketing bởi:**

**ORIENT PHARMA.**

